TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:116/2022/DS-PT
Ngày:15/6/2022
Về việc tranh chấp*:"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường

Ông Đặng Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:104/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022, về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:16/2022/DS-ST, ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 122/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Bà **Ngô Thị D** - Sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị N** - Sinh năm 1959, nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người kháng cáo:*Bà **Phạm Thị N** là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 10/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị D trình bày:

Năm 2015, do quen biết với nhau nên bà có cho bà Phạm Thị N vay nhiều lần với tổng số tiền 90.000.000đ, việc vay tiền hai bên có làm biên nhận; sau khi vay,bà có hỏi bà N nhiều lần về số tiền trên nhưng bà N cứ hẹn đến nay chưa trả. Do đó, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền vay gốc là 90.000.000đ; ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

- Tại bản tự khai ngày 16/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Bà xác định bà không có vay tiền của bà D; đối với biên nhận nợ mà bà D cung cấp bà xác định đó không phải là chữ ký của bà nên bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D.

- Tại Kết luận giám định số 2329/C09B ngày 11/5/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ viết "n" trên tài liệu cần giám định so với chữ ký đứng tên Phạm Thị N (Phạm Thị N) trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số16/2022/DS-ST ngày 16/3/2022, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 161, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463; 466 và 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị D.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị D đối với yêu cầu bà Phạm Thị N trả số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) ngày 25/02/2015.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị D đối với bị đơn bà Phạm Thị N.

Buộc bà Phạm Thị N có nghĩa vụ trả chị Ngô Thị D số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định, về án phí, về lãi suất chậm thi hành án, về quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/3/2022, bị đơn bà Phạm Thị N có đơn kháng cáo. Bà N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì bà N không có vay tiền của bà D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Phạm Thị N thay đổi một phần kháng cáo, cụ thể là bà không yêu cầu hủy bản án sơ thẩm mà yêu cầu Tòa án sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D do bà không có vay tiền của bà D.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà N được miễn nộp án phí do bà là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Nguyên đơn là bà Ngô Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

[2]Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị N thay đổi một phần kháng cáo. Việc thay đổi một phần kháng cáo của bà N là không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu. Căn cứ khoản 2 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi một phần kháng cáo của bà N.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà N về việc sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại tờ Biên nhận (BL 29) cónội dung: “5 N mượn 30 triệu 15/3/2015”, ký tên “n”.Ngoài ra, tại tờ Biên nhận (BL 29) có nội dung: “5 N 30 triệu: 26/3”, ký tên “n”. Bà D khẳng định bà N có vay tiền của bà vào ngày 15/3/2015 và ngày 26/3/2015, khi vay bà N có ký tên trong biên nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N khẳng định bà không có vay tiền, không có ký tên vay tiền như bà D trình bày.Tuy nhiên, tại Biên bản hòa giải ngày 10/11/2020 (BL 22), bà N trình bày trước đây bà có vay 30.000.000đ của bà D. Như vậy, lời trình bày của bà N là có mâu thuẫn nhau. Theo Kết luận giám định số 2329/C09B ngày 11/5/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ viết “n” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký đứng tên Phạm Thị N (Phạm Thị N) trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra. Bà N không thừa nhận các chữ ký trong Biên nhận (BL 29) là của bà nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do vậy, bản án sơ thẩm xác định bà N có vay bà D số tiền 60.000.000đ vào ngày 15/3/2015 và ngày 26/3/2015 là có cơ sở và bản án

đã tuyên buộc bà N trả cho bà D số tiền 60.000.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những nội dung phân tích trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] Về án phí:

Do không chấp nhận kháng cáo của bà N nên bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 147, 148, 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 và Điều 29 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D.

Buộc bà Phạm Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị D số tiền vay là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D về việc buộc bà Phạm Thị N trả sốtiền 30.000.000đ(Ba mươi tiệu đồng) ngày 25/02/2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bà Ngô Thị D chịu 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) mà bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 0016394 ngày 06 tháng 10 năm 2020; số tiền chênh lệch là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)được hoàn trả lại cho bà D.

Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phạm Thị N.

4. Về chi phí giám định:

Bà Phạm Thị N chịu toàn bộ chi phí giám định là 2.650.000đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); số tiền này bà Ngô Thị D đã nộp tạm ứng xong nên bà N có nghĩa vụ hoàn lại cho bà D.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Phòng KTNV&THA;
- Đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà